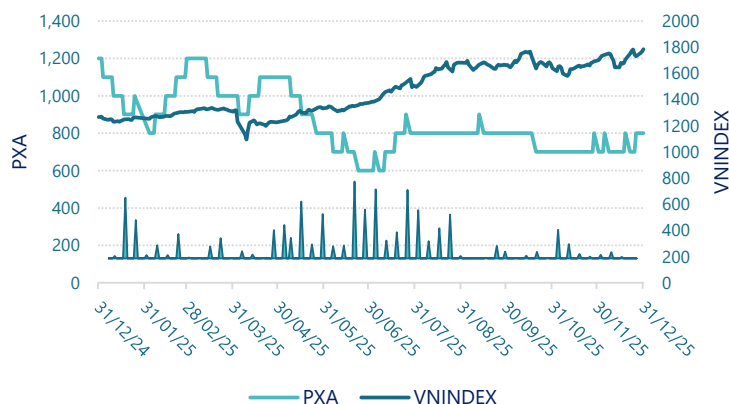


CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An (UPCOM: PXA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,785
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12
P/E	505.4
EPS	2

DT thuần

Q4/25

22.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.3 | 461%

LN sau thuế

Q4/25

2.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.06 | 267%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

11.6%

+/- YoY: ▼ 11.0%

DT thuần

2025

54.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.6 | 135%

LN sau thuế

2025

0.02

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.83 | 103%

ROE

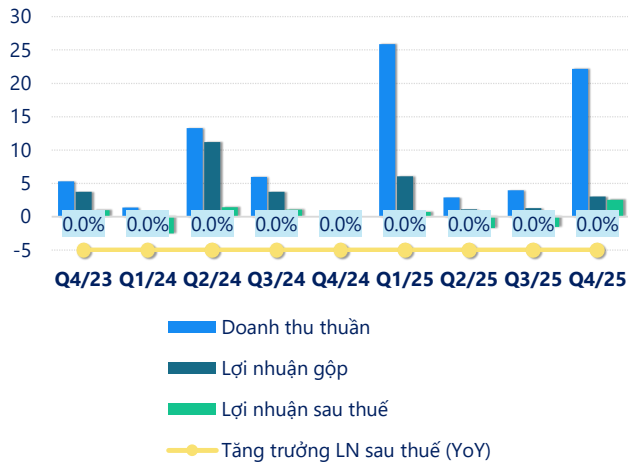
2025

0.1%

+/- YoY: ▲ 2.7%

tỷ VNĐ

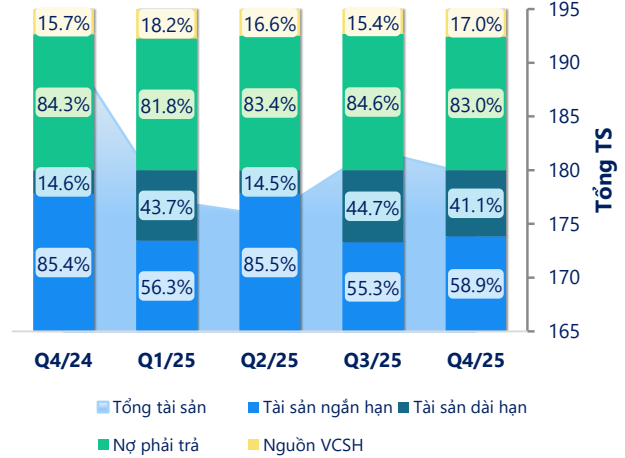
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

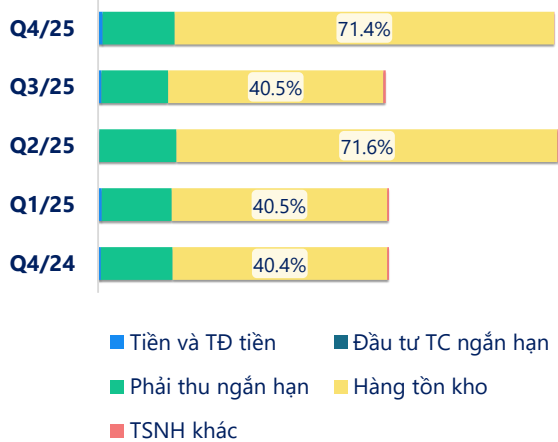
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



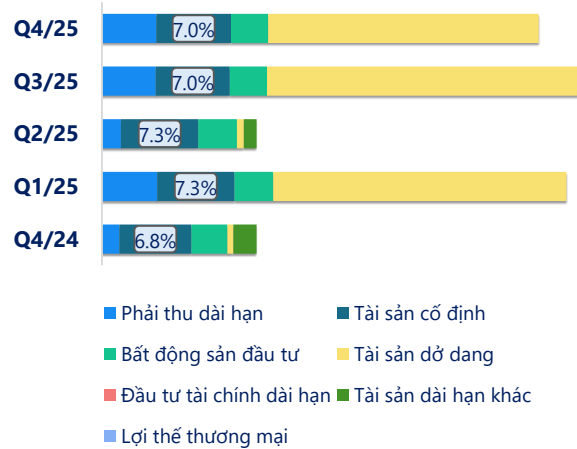
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

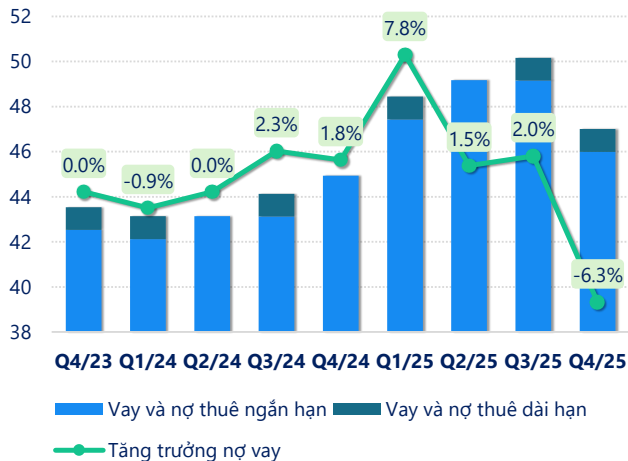
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

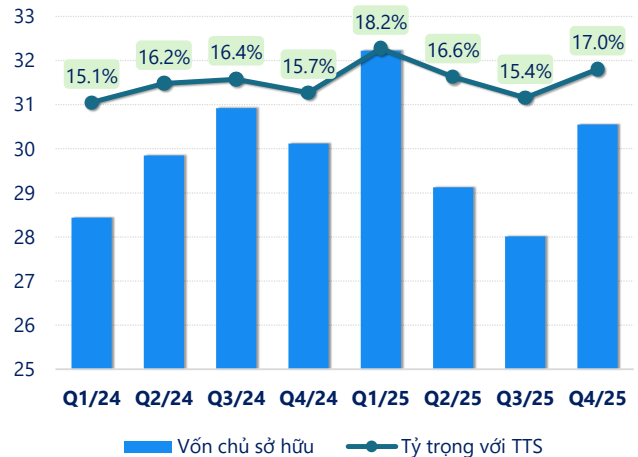
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

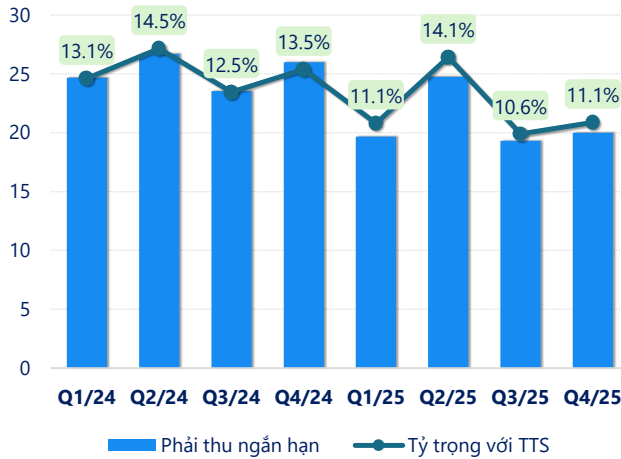
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



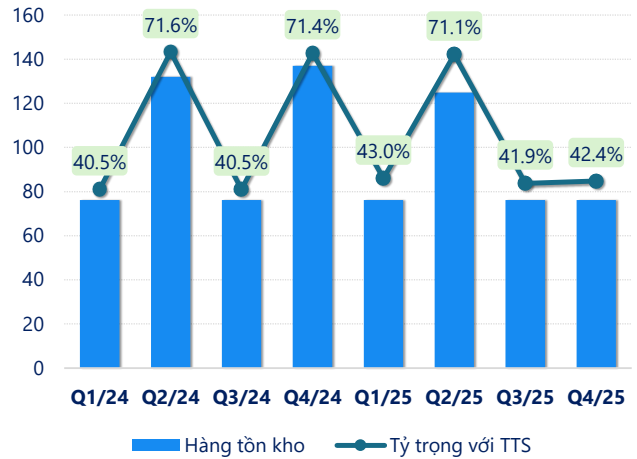
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


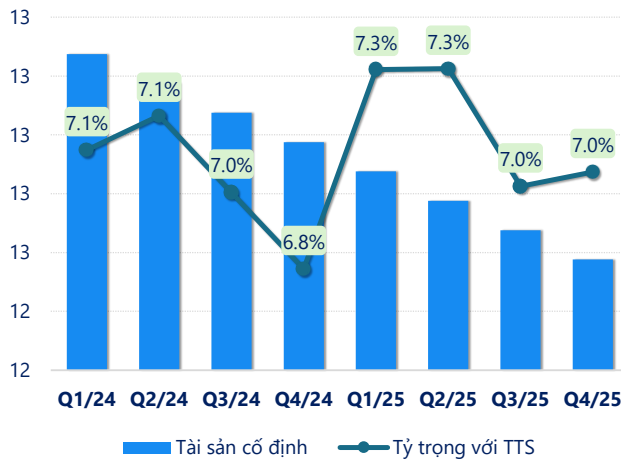
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


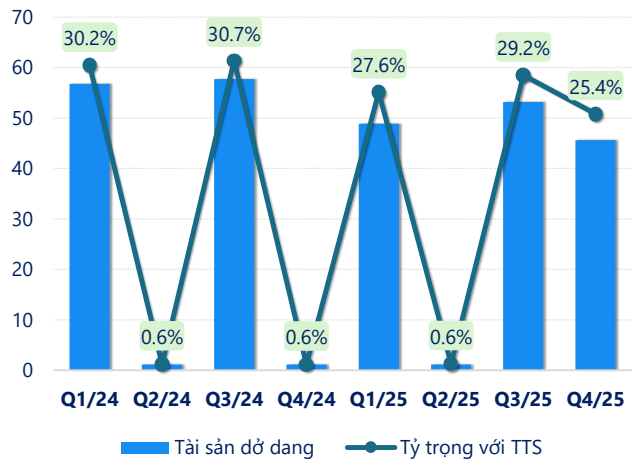
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

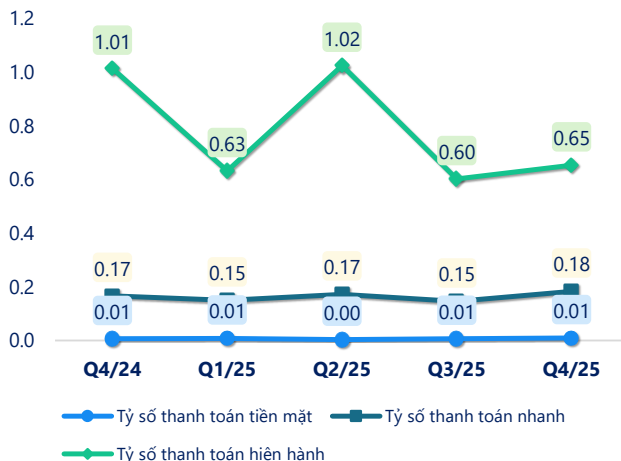
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

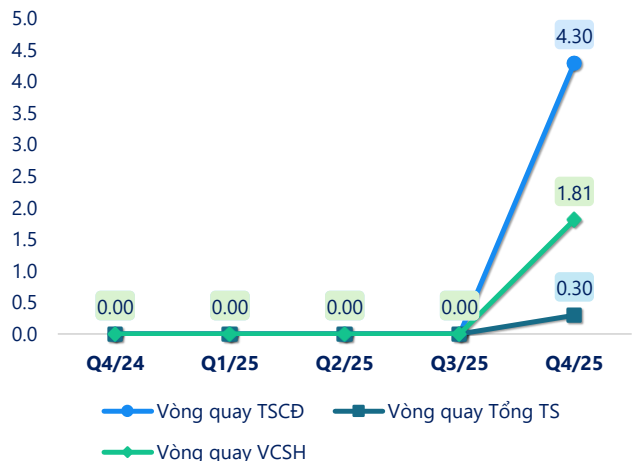
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	192	177	176	182	180
Tài sản ngắn hạn	164	99.8	150	100	106
Tiền và tương đương tiền	1.00	1.27	0.48	1.17	1.53
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	26.0	19.7	24.8	19.3	20.0
Hàng tồn kho	137	76.2	125	76.2	76.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	2.73	0.03	3.86	8.14
Tài sản dài hạn	27.9	77.4	25.6	81.4	73.7
Phải thu dài hạn	3.15	9.20	3.15	9.20	9.20
Tài sản cố định	13.0	12.9	12.8	12.7	12.6
Bất động sản đầu tư	6.51	6.46	6.41	6.36	6.31
Tài sản dở dang	1.11	48.8	1.11	53.2	45.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.20	0	2.13	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	162	145	147	154	149
Nợ ngắn hạn	162	158	147	167	162
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.9	47.4	49.2	49.2	46.0
Phải trả người bán ngắn hạn	21.9	21.9	22.9	22.3	22.8
Nợ dài hạn	0	-13.0	0	-13.1	-13.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.01	0	1.01	1.01
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.1	32.2	29.1	28.0	30.5
Vốn chủ sở hữu	30.1	32.2	29.1	28.0	30.5
Vốn điều lệ	150	151	150	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)